

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2010 - 2011

Lớp Học : L34CCD2

Học Kỳ : 1

Môn Học : Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	341010100	Trần Quang	Ánh							5						5			5.0	5.0			
2	341010100	Lê Tuấn	Anh							6						7			6.0	6.5			
3	341010100	Đặng Bá	Công							7						5			7.0	6.0			
4	341010100	Dương Chí	Cường							7						7			7.0	7.0			
5	341010100	Lê Viết	Cường							0						0			0.0	0.0			
6	341010101	Phạm Hải	Đặng							6						6			6.0	6.0			
7	341010101	Nguyễn Quốc	Đạt							3						5			3.0	4.0			
8	341010101	Nguyễn Quang	Đáo							6						1	0		6.0	3.5	3.0		
9	341010101	Lý Minh	Hân							6						2			6.0	4.0			Học lại
10	341010101	Lâm Thanh	Hiếu							6						4			6.0	5.0			Học lại
11	341010102	Phạm Văn	Hòa							5						5			5.0	5.0			
12	341010102	Nguyễn Phi	Hùng							8						6			8.0	7.0			Học lại
13	341010102	Trần Thanh	Khoa							0						0			0.0	0.0			
14	341010103	Hán Văn	Lĩnh							4						2	4		4.0	3.0	4.0		
15	341010103	Nguyễn Tất	Mạnh							5						7			5.0	6.0			
16	341010103	Phan Đại	Nghĩa							5						3	7		5.0	4.0	6.0		
17	341010103	Phan Thái	Nguyên							7						6			7.0	6.5			
18	341010103	Nguyễn Hoàng Nhật	Phong							6						6			6.0	6.0			
19	341010103	Nguyễn Hồ Quốc	Phú							8						7			8.0	7.5			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	341010104	Phạm Hồng Phúc							0						0	0		0.0	0.0	0.0		
21	341010104	Nguyễn Duy Quang							6						4			6.0	5.0			
22	341010105	Trương Văn Thắng							6						7			6.0	6.5			
23	341010106	Nguyễn Văn Thế							3						7			3.0	5.0			
24	341010106	Phùng Nhân Thức							6						6			6.0	6.0			
25	341010106	Lường Hữu Toán							5						3	5		5.0	4.0	5.0		
26	341010106	Hoàng Như Toản							4						8			4.0	6.0			
27	341010107	Hoàng Văn Vinh							6						5			6.0	5.5			
28	341010107	Nguyễn Văn Xáng							5						0			5.0	2.5			

Tổng số: 28 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	0	0.00
Khá	3	10.71

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	7	25.00
Không đạt	8	28.57
Miễn thi	0.00	0.00

Giáo viên bộ môn

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	10	35.71

Tp. HCM, ngày tháng năm

Giáo Vụ Khoa